

Số: 59/2026/QĐST-DS

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm số: 120/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Công Ty cổ phần J, địa chỉ: tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ M, địa chỉ: D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế A – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý khách hàng Doanh Nghiệp 3, địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Y M, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà **Y M** phải có nghĩa vụ trả cho **Công ty Cổ Phần J** và **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền tính đến ngày 12/6/2026 là: **1.019.865.504 đồng**, trong đó, nợ gốc: **784.995.000 đồng**; nợ lãi: **234.870.504 đồng**, cụ thể:

+ Trả cho **Công ty Cổ Phần J** AMC toàn bộ số tiền (95%) nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay số LN2310270691947 ngày 16/11/2023 kèm Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 16/11/2023, tạm tính đến ngày 12/6/2026 là: **968.872.229 đồng**. Trong đó, nợ gốc: **745.745.250 đồng**; nợ lãi: **223.126.979 đồng**.

+ Trả cho **Ngân hàng TMCP V** nhận toàn bộ số tiền (05%) nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo theo Hợp đồng cho vay số LN2310270691947 ngày 16/11/2023 kèm Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 16/11/2023, tạm tính đến ngày 12/06/2026 là: **50.993.275 đồng**. Trong đó, nợ gốc: **39,249.750 đồng** và nợ lãi: **11.743.525 đồng**.

Và yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 12/6/2026 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp, Bà **Y M** không trả hoặc trả không đủ nợ thì **Ngân hàng thương mại cổ phần V** và **Công ty cổ phần J** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

- Xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, biển số đăng ký 82G-000.35, số khung: RRT25018TN1B00209, số máy: D103450220507018417; đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 82 007809, do **Phòng C Công an tỉnh K** cấp ngày 13/11/2023 mang tên bà **Y M**.

Trường hợp phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà **Y M** phải trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số LN2310270691947.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Không.

2.3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà **Y M** chịu số tiền 21.297.982 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho **Công ty cổ phần J** số tiền là 19.052.488 đồng (*bằng chữ: mười chín triệu không trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*) và **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền 1.237.198 đồng (*bằng chữ: một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm chín mươi tám đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001934 ngày 06 tháng 5 năm 2026 và theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001932 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV7;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hoa Như